

Số : 714 /TB-ĐHPT

Lâm Đồng, ngày 21 tháng 11 năm 2025

THÔNG BÁO

**Về việc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ dùng trong tuyển sinh và đào tạo
trình độ thạc sĩ**

Căn cứ Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 11/2022/TT-BGDĐT ngày 26/7/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 828/QĐ-ĐHPT ngày 30/12/2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phan Thiết ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ;

Căn cứ Công văn số 816/QLCL-QLVBCC ngày 20/5/2025 của Cục Quản lý Chất lượng Công nhận chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 6931/BGDĐT-QLCL ngày 29/10/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sử dụng chứng chỉ năng lực ngoại ngữ của nước ngoài.

Trường Đại học Phan Thiết thông báo đến các thí sinh dự tuyển, học viên đang tham gia học tập các chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ tại Trường về Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam, Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ Tiếng anh và một số ngoại ngữ khác được công nhận trong tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ như sau:

1. Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (Phụ lục 1).
2. Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ tiếng Anh (Phụ lục 2).
3. Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ khác (Phụ lục 3).

Trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- HĐT, BGH (để báo cáo);
- Lưu VT, P.QLĐT-SĐH.

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Võ Khắc Thường



PHỤ LỤC 1

Danh sách các đơn vị tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

(Kèm theo thông báo số 744/TB-ĐHPT ngày 21 / 11 / 2025 của Trường ĐH Phan Thiết)

STT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh
2	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế
3	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội
4	Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Đà Nẵng
5	Đại học Thái Nguyên
6	Trường Đại học Cần Thơ
7	Trường Đại học Hà Nội
8	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
9	Trường Đại học Vinh
10	Trường Đại học Sài Gòn
11	Trường Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh
12	Trường Đại học Trà Vinh
13	Trường Đại học Văn Lang
14	Trường Đại học Quy Nhơn
15	Trường Đại học Tây Nguyên
16	Học viện An ninh Nhân dân
17	Học viện Báo chí Tuyên truyền
18	Trường Đại học Công Thương Thành phố Hồ Chí Minh (HUIT)
19	Trường Đại học Thương mại
20	Học viện Khoa học Quân sự
21	Trường Đại học Kinh tế - Tài chính TP.HCM



22	Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP. HCM
23	Học viện Cảnh sát Nhân dân
24	Đại học Bách Khoa Hà Nội
25	Trường Đại học Nam Cần Thơ
26	Trường Đại học Ngoại thương
27	Trường Đại học Công nghiệp TP. HCM
28	Trường Đại học Kinh tế quốc dân
29	Trường Đại học Kinh tế TP. HCM
30	Trường Đại học Lạc Hồng
31	Trường Đại học Đồng Tháp
32	Đại học Duy Tân
33	Trường Đại học Phenikaa
34	Học Viện Ngân hàng
35	Trường ĐH Tài chính – Marketing
36	Trường ĐH Thành Đông
37	Trường Đại học Mở thành phố Hồ Chí Minh
38	Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng

Danh sách có 38 đơn vị./.

***Các đơn vị được cấp phép tổ chức thi đánh giá năng lực tiếng Anh theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam được cập nhật trên Website chính thức của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (<https://vqa.moet.gov.vn/>)**



PHỤ LỤC 2

Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ tiếng Anh
(Kèm theo thông báo số 714 /TB-ĐHPT ngày 21 / 11 /2025 của Trường ĐH Phan Thiết)

Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
		Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45	46-93
	TOEFL ITP	450-499	
	IELTS	4.0 - 5.0	5.5 -6.5
	Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159	B2 First/B2 Business Vantage/ Linguaskill. Thang điểm: 160- 179
	TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149	Nghe: 400-489 Đọc: 385-454 Nói: 160-179 Viết: 150-179
	Aptis ESOL International Certificate	B1	B2
	Pearson English International Certificate (PEIC)	Level 2	Level 3
	Pearson Test of English Academic (PTE Academic)	43 - 58	59 - 75

***Các chứng chỉ được chấp nhận phải được cấp bởi các đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức. Danh sách các đơn vị được cập nhật thường xuyên trên Website chính thức của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (<https://vqa.moet.gov.vn/>).**

***Chứng chỉ TOEFL iBT thi theo hình thức Home Edition không được công nhận.**



PHỤ LỤC 3

Bảng tham chiếu quy đổi tương đương các chứng chỉ ngoại ngữ khác
(Kèm theo thông báo số 744/TB-ĐHPT ngày 21 / 11 /2025 của Trường ĐH Phan Thiết)

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm	
			Tương đương Bậc 3	Tương đương Bậc 4
1	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue	TCF: 400-499 Văn bằng DELF B2 Diplôme de Langue
2	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1	Goethe-Zertifikat B2
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)	TestDaF Bậc 4 (TDN 4)
3	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3	HSK Bậc 4
4	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4	N3
5	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранным	ТРКИ-1	ТРКИ-2

***Các chứng chỉ được chấp nhận phải được cấp bởi các đơn vị do Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tổ chức. Danh sách các đơn vị được cập nhật thường xuyên trên Website chính thức của Cục Quản lý chất lượng – Bộ Giáo dục và Đào tạo (<https://vqa.moet.gov.vn/>).**